

Số: 24 /2018/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 08 tháng 08 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 620/TTr-SNV ngày 24 tháng 12 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Nội vụ tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị thuộc lực

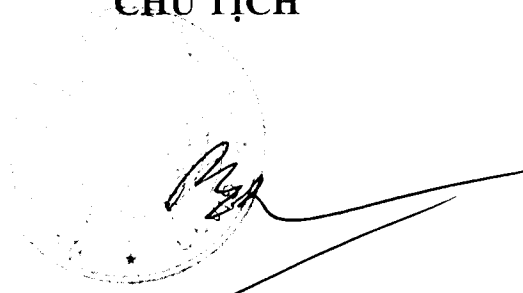
lượng vũ trang nhân dân; doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc các thành phần kinh tế; đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2019 và thay thế Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng. / *Ug*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Ban TĐKT Trung ương (Hà Nội và TP Hồ Chí Minh);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy, các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ (Ban TĐKT 5b);
- Các cơ quan thông tin đại chúng tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, SNV, vtkieu (2b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 84 /2018/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, bao gồm: Nguyên tắc, hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; trình tự thủ tục khen thưởng, hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng có liên quan không quy định trong văn bản này thì thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công dân Việt Nam trên địa bàn tỉnh, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị Lực lượng vũ trang Nhân dân (sau đây gọi chung là cơ quan, địa phương, đơn vị), gia đình, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Quy định chung về khen thưởng

Quy định chung về khen thưởng được thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định sau:

1. Trách nhiệm của người đứng đầu trong việc đánh giá, công nhận thành tích và đề nghị cấp trên khen thưởng

Người đứng đầu cơ quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về thủ tục, hồ sơ, quy trình và tính chính xác của thành tích và các nội dung khác có liên quan, cụ thể:

a) Khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với các hình thức khen thưởng cấp nhà nước, việc đánh giá, công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và thành tích do người đứng đầu sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

b) Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với các hình thức khen thưởng cấp tỉnh, việc đánh giá, công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phạm vi ảnh hưởng của thành tích do người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

c) Đối với các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, doanh nghiệp, hợp tác xã, việc đánh giá, công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phạm vi ảnh hưởng của thành tích do người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (sau đây gọi chung là Hội đồng) có trách nhiệm giúp người đứng đầu cùng cấp đánh giá thành tích của tập thể, cá nhân có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, địa phương, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

a) Cơ quan thường trực Hội đồng (đối với huyện, thành phố) hoặc cán bộ, công chức, viên chức được giao làm công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan cấp tỉnh (gọi chung là người được giao làm công tác thi đua, khen thưởng), doanh nghiệp, hợp tác xã có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp Hội đồng. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự. Chủ tịch Hội đồng chủ trì hội nghị hoặc ủy quyền cho 01 Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thực hiện bỏ phiếu như các thành viên khác. Cơ quan thường trực Hội đồng hoặc người được giao làm công tác thi đua, khen thưởng tham mưu Hội đồng xin ý kiến các thành viên vắng mặt bằng văn bản, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng; hoàn thiện biên bản họp Hội đồng và hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định.

b) Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn hoạt động của Hội đồng các cấp.

3. Trước khi trình các hình thức khen thưởng quy định tại Khoản 10, Điều 45, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ), cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh lấy ý kiến nhân dân trên các phương tiện truyền thông của tỉnh (Cổng thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang, Báo Kiên Giang, Trang thông tin điện tử của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trong thời hạn 05 ngày.

4. Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm công tác là tập thể nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”;

b) Tập thể không thuộc đối tượng tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong năm phải có 2/3 số tập thể trực thuộc đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” trở lên và không có cá nhân là người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu bị kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên.

c) Người đứng đầu quy định tại Khoản 1, Điều này chịu trách nhiệm về tính chính xác của tập thể được đánh giá là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

5. Đánh giá và công nhận mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định của nông dân làm căn cứ đề nghị khen thưởng

a) Mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định 2 năm, 3 năm do cấp huyện xem xét công nhận;

b) Mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định 4 năm, 5 năm do cấp tỉnh xem xét công nhận;

6. Tập thể, cá nhân làm báo cáo thành tích và hồ sơ có liên quan theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ; để nâng cao chất lượng báo cáo thành tích, Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ hướng dẫn áp dụng một số biểu mẫu thường dùng trong Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ để tập thể, cá nhân thực hiện; nội dung báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định.

Các trường hợp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất quy định tại Khoản 3 và Khoản 5 Điều 12 Quy định này thì tập thể, cá nhân không cần viết báo cáo thành tích, nhưng nội dung thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen phải được ghi cụ thể, rõ ràng trong biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và tờ trình của thủ trưởng cơ quan, địa phương, đơn vị trình khen; việc tặng tiền, vật chất, hiến đất, ngày công lao động cho địa phương, xã hội phải có tài liệu chứng minh hợp pháp và gửi trước đến Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ để thẩm định.

7. Chỉ lấy kết quả khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ được giao hàng năm để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; cơ quan, địa phương, đơn vị tham gia cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hàng năm khi đạt thứ hạng theo quy định nhưng vẫn đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" và tiêu chuẩn Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì được xét tặng danh hiệu và hình thức khen thưởng.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

8. Trong cùng một năm một tập thể, một cá nhân đã đề nghị khen thưởng cấp nhà nước về thành tích thực hiện nhiệm vụ được giao thì không đề nghị khen cấp tỉnh về thành tích đó.

9. Đối với một đơn vị cơ sở khi xét khen thưởng cho cá nhân tính tỷ lệ phần trăm nếu không được một người thì được tính là một người để xét khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng.

10. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ (sau đây gọi là Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) thẩm định thủ tục, hồ sơ, điều kiện, tiêu chuẩn, thành tích trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền đối với danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng"; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh họp xét đề nghị khen thưởng theo quy định đối với danh hiệu "Chiến sĩ thi đua tỉnh Kiên Giang", Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có yếu tố nước ngoài và khen thưởng cấp nhà nước.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Điều 4, Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ và theo quy định sau:

1. Thi đua theo chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động có thời gian 03 năm trở lên sẽ đăng ký với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương để được hướng dẫn khen thưởng cấp Nhà nước.

2. Tổ chức thi đua theo đợt (chuyên đề)

Tổ chức thi đua theo đợt (chuyên đề) được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định sau:

a) Khuyến khích tổ chức thi đua theo đợt (chuyên đề) theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức thi đua theo chuyên đề do các cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, doanh nghiệp phát động có thời gian 01 năm trở lên đăng ký và được Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đồng ý bằng văn bản, trên cơ sở đó khi tổng kết đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen và tỷ lệ tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không quá 30% so với tổng số Giấy khen của cấp có thẩm quyền phát động tặng cho tập thể, cá nhân trong chuyên đề thi đua.

b) Cơ quan tham mưu trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động thi đua theo đợt (chuyên đề) phải phối hợp với cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để thống nhất về đối tượng, phạm vi, thời gian thi đua; mục đích, yêu cầu, nội dung thi đua; tiêu chuẩn, số lượng khen thưởng tập thể, cá nhân và giải pháp thực hiện.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, Điều 6 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định sau:

1. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, doanh nghiệp, hợp tác xã chủ trì phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp để phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi mình quản lý, chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng; tổ chức tuyên

truyền, nhân rộng các điển hình, giữ vững và phát huy tác dụng các điển hình trong hoạt động thực tiễn.

2. Mặt trận tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi quyền hạn của mình tổ chức phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến; phối hợp thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng; giám sát thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời đề xuất các giải pháp thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng đồng thời xét chọn những tập thể, cá nhân đủ các tiêu chuẩn theo quy định để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung và tổ chức các phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh; đề xuất với lãnh đạo Đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua; kiểm tra việc thực hiện; sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua

1. Các cơ quan, địa phương, đơn vị theo thẩm quyền tổ chức phát động thi đua để cá nhân, tập thể đăng ký, giao ước thi đua phấn đấu thực hiện tốt các nội dung, chỉ tiêu thi đua, danh hiệu thi đua đã đề ra.

Tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua phải đăng ký nội dung, chỉ tiêu và danh hiệu thi đua với các cơ quan, địa phương, đơn vị phát động phong trào thi đua.

Đối với tập thể được cấp có thẩm quyền giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, các chỉ tiêu đăng ký thi đua không được thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch năm

được giao. Đối với các tập thể không được giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, chỉ tiêu đăng ký thi đua không được thấp hơn kết quả thực hiện của năm trước liền kề.

2. Các khối, cụm thi đua thuộc tỉnh tổ chức phát động hưởng ứng phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hàng năm và xác định rõ các chỉ tiêu, nội dung, biện pháp và thứ hạng thi đua trong năm phải thông qua cụm, khối thi đua bình xét để các thành viên ký kết giao ước thi đua thực hiện.

3. Đối với phong trào thi đua theo theo đợt (chuyên đề) nhằm thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ cấp bách hoặc một chương trình, công trình, đề án lớn hoặc hưởng ứng một cuộc vận động của cấp trên phát động, các cơ quan, địa phương, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch và đăng ký thi đua theo kế hoạch phát động.

4. Thời gian đăng ký thi đua thực hiện nhiệm vụ được giao hàng năm và danh hiệu thi đua của tập thể, cá nhân về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) chậm nhất ngày 30 tháng 3 hàng năm, hệ thống giáo dục và đào tạo đăng ký theo năm học chậm nhất ngày 15 tháng 10 hàng năm; riêng Cơ thi đua của Chính phủ đăng ký chậm nhất ngày 15 tháng 02 hàng năm, hệ thống giáo dục và đào tạo đăng ký theo năm học chậm nhất ngày 30 tháng 9 hàng năm.

Điều 7. Tổ chức cụm, khối thi đua của tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chia cụm, khối thi đua cụ thể hàng năm theo hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhiều đơn vị thuộc và trực thuộc, khi tổ chức phát động phong trào thi đua có thể tổ chức thành khối, cụm thi đua.

Điều 8. Danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua

1. Các danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định từ Điều 21 đến Điều 31 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013; từ Điều 9 đến Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Để nâng cao chất lượng xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” có thể quy định tỷ lệ xét

tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” nhưng không thấp hơn 70% so với tổng số cá nhân trong tập thể.

Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” cho cá nhân trong lực lượng công an xã, xã đội (đối với lực lượng bán chuyên trách) và danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” cho công an xã, xã đội.

3. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng”:

a) Đối với cơ quan cấp tỉnh: Xét tặng đối với các phòng, ban và tương đương thuộc cơ quan cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân, hoạt động độc lập trực thuộc chi cục thuộc sở, ngành cấp tỉnh. Không xét tặng cho các tập thể trực thuộc cơ quan, đơn vị là ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với cấp huyện: Xét tặng đối với các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Công an xã, xã đội.

c) Đối với các tổ chức kinh tế: Xét tặng đối với các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp (trừ các doanh nghiệp theo hệ thống dọc Trung ương đóng trên địa bàn), hợp tác xã... như xí nghiệp, phòng, phân xưởng, tổ, đội sản xuất và tương đương.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp, xét tặng đối với các đơn vị: Trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng và tương đương; trạm y tế cấp xã.

4. Việc đăng ký và xét đề nghị danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho công nhân, nông dân, người lao động được thực hiện như sau:

a) Đối với công nhân, đăng ký danh hiệu và bình xét danh hiệu từ xí nghiệp, phòng, phân xưởng và tương đương thuộc doanh nghiệp;

b) Đối với nông dân, người lao động đăng ký danh hiệu và bình xét danh hiệu theo ấp, khu phố; cá nhân đề nghị danh hiệu “Lao động tiên tiến” phải được 2/3 đại diện hộ gia đình trong Tổ nhân dân tự quản cùng cư trú tán thành.

Điều 9. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và được bình xét suy tôn là đơn vị dẫn đầu cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hàng năm.

2. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh phát động có thời gian từ 3 năm trở lên được đánh giá bình chọn là đơn vị dẫn đầu khi sơ kết, tổng kết.

Điều 10. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định sau:

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Kiên Giang” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Kiên Giang” đã được áp dụng trong thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận. Sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, công nhận.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;

b) Có sáng kiến đã được áp dụng tại cơ sở để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 11. Giấy khen

1. Giấy khen được thực hiện theo quy định tại Điều 74 và 75 Luật Thi đua, khen thưởng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013; Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Để nâng cao chất lượng xét tặng Giấy khen thành tích thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tặng Giấy khen có thể quy định tỷ lệ xét tặng Giấy khen cho phù hợp.

2. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt (chuyên

đề), hoàn thành một hạng mục công trình hoặc lập được thành tích đột xuất do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

3. Việc xem xét mức đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội của các gia đình để được xét tặng Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã do Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ tình hình thực tế quyết định.

Điều 12. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 39, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động có 2 năm liên tục lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội trong thời gian không quá 2 năm có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên. Nếu mức đóng góp nêu trên có giá trị lớn thì tùy từng trường hợp cụ thể để xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc do cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, doanh nghiệp phát động theo Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Nông dân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua lao động, sản xuất hàng năm do Ủy ban nhân dân cấp xã bình chọn.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh ở một trong các lĩnh vực sau:

a) Cứu người, cứu tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước, gương người tốt việc tốt; gương tiêu biểu xuất sắc trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, vi phạm trật tự an toàn xã hội,...

b) Tập thể, cá nhân đạt các giải cao: Nhất, nhì, ba (vàng, bạc, đồng) trong các kỳ thi, hội thi cấp tỉnh trở lên. Riêng thi học sinh giỏi: Cấp quốc gia và khu vực đạt giải nhất, nhì, ba; cấp tỉnh đạt giải nhất; đỗ thủ khoa trong các kỳ thi vào đại học.

c) Đối với tập thể có nhiều đóng góp trong công tác xã hội trong thời gian không quá 2 năm có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên hoặc vận động đóng góp giá trị từ 400 triệu đồng trở lên. Đối với cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác xã hội trong thời gian không quá 2 năm có giá trị từ 75 triệu đồng trở lên hoặc vận động đóng góp giá trị từ 150 triệu đồng trở lên; trường hợp đóng góp ngày công lao động thì quy đổi theo giá thị trường tại địa bàn và thời điểm đóng góp ngày công lao động. Đối với tập thể, cá nhân có yếu tố nước ngoài thực hiện theo Khoản 6 Điều này.

6. Khen thưởng có yếu tố nước ngoài

Việc xem xét tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể, cá nhân có yếu tố nước ngoài thực hiện theo Quyết định số 76-QĐ/TU ngày 31/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại.

Chương IV

QUY TRÌNH; THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG; THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 13. Quy trình xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Khi kết thúc năm công tác, kết thúc đợt (chuyên đề) thi đua, các địa phương, đơn vị tự xem xét, đánh giá thành tích của các tập thể, cá nhân do đơn vị mình quản lý để khen thưởng và đề nghị cấp trên xét khen thưởng.

2. Danh hiệu thi đua được bình xét và đề nghị từ đơn vị cơ sở thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã; ấp, khu phố thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã. Cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua hoặc trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

3. Quy trình bình xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng:

a) Tập thể, cá nhân trình bày báo cáo thành tích đề nghị công nhận danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng trước tập thể đơn vị cơ sở (trừ khen thưởng đợt xuất); tập thể đóng góp ý kiến và đối chiếu điều kiện, tiêu chuẩn để đề nghị hoặc không đề nghị (có thể bỏ phiếu). Nếu 2/3 cá nhân trong tập thể đồng ý đề nghị

thì lập hồ sơ, thủ tục trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trên trực tiếp xét;

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thực hiện việc xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định, các trường hợp đạt thì trình thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định, trao tặng

1. Thẩm quyền quyết định, trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định từ Điều 77 đến Điều 81 Luật Thi đua, khen thưởng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013; Điều 43, Điều 44 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Cơ quan, địa phương, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) xét công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Kiên Giang”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, “Huy hiệu” tỉnh hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

Điều 15. Thủ tục, hồ sơ đề nghị danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thời gian đề nghị khen thưởng và giải quyết hồ sơ

1. Quy định chung về thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 10 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ và quy định sau:

a) Việc xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) đối với các hình thức khen thưởng quy định tại Khoản 4, Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ do cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện.

b) Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Khoa học các cấp do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng các cấp gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp có nhiệm vụ giúp người đứng đầu công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng:

Thủ tục, hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 48, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua khen thưởng năm 2013; Điều 49 đến Điều 57 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định sau:

a) Hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng được giải quyết theo cơ chế một cửa, hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nội vụ.

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước nộp tại Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh theo quy định.

3. Thời điểm nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng

a) Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ được giao hàng năm (danh hiệu: “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Chiến sĩ thi đua tỉnh Kiên Giang”, Bằng khen) gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chậm nhất ngày 30 tháng 3 hàng năm; hệ thống giáo dục và đào tạo chậm nhất ngày 30 tháng 8 hàng năm. Hồ sơ đề nghị khen cấp nhà nước thành tích thực hiện nhiệm vụ được giao (danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại) gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chậm nhất ngày 30 tháng 4 hàng năm; hệ thống giáo dục và đào tạo chậm nhất ngày 30 tháng 8 hàng năm.

b) Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” hàng năm gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chậm nhất ngày 30 tháng 01 hàng năm; hệ thống giáo dục đào tạo chậm nhất ngày 30 tháng 7 hàng năm. Hồ sơ trình đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” hàng năm chậm nhất ngày 28 tháng 02 hàng năm; hệ thống giáo dục đào tạo chậm nhất ngày 30 tháng 7 hàng năm;

4. Thời gian thẩm định, thời gian thông báo kết quả khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điểm a, b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định sau:

a) Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời hạn 5 ngày làm việc, riêng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh 10 ngày làm việc Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh sao y quyết định, chuẩn bị hiện vật khen thưởng và thông báo kết quả khen thưởng cho cơ quan, đơn vị trình khen đến Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh nhận tiền và hiện vật khen thưởng;

b) Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan, đơn vị trình khen thưởng thông báo và gửi kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng;

c) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị trình khen thưởng.

5. Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ khen thưởng theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 16. Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng

Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng được thực hiện theo các quy định tại Điều 58, Điều 59 và Điều 60 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định sau:

1. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hàng năm có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai những nội dung:

a) Xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm;

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng;

c) Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền nhân rộng những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua trong tỉnh để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông, Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; biểu dương, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua trong tỉnh.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hàng năm tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm thi đua, khen thưởng; kế hoạch kiểm tra việc tổ

